

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ACE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ACE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108406439

3. Ngày thành lập: 16/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9, số 27 Hàng Bài, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913907582

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
3.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô... - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; - Sản xuất vòi và van vệ sinh; - Sản xuất vòi và van làm nóng; - Sản xuất máy bơm tay;	2813
4.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
5.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
6.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662

8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
9.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Khai thác quặng sắt	0710
15.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
16.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và hoá chất Nhà nước cấm) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
20.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
21.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
23.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
24.	Đại lý du lịch	7911
25.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
26.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211(Chính)
27.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542

28.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
29.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời	9311
30.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
31.	Xây dựng nhà các loại	4100
32.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản) Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.	4511
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
39.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
40.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
41.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
42.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính)	7120
43.	Phá dỡ	4311
44.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác trừ hoạt động đấu giá tài sản) Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, ô tô và xe có động cơ khác.	4513
45.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

47.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
48.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
49.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
50.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4541
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá (trừ hoạt động đấu giá tài sản) Chi tiết: Đại lý	4610
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
55.	Đúc sắt, thép	2431
56.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
57.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
58.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;	7490
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
60.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản)	5820
61.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
62.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
63.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
64.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

65.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ quảng cáo và hoạt động đấu giá bất động sản) Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
67.	Quảng cáo	7310
68.	Cho thuê xe có động cơ	7710
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
70.	Điều hành tua du lịch	7912
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Giáo dục tiểu học	8520
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4543
74.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
75.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Cho thuê các thiết bị thư giãn	9329
76.	Giáo dục mầm non	8510
77.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
78.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở; - Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ .v.v; - Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao;	9319
79.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
80.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
81.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
82.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
83.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
84.	Bán buôn thực phẩm	4632
85.	Bán buôn đồ uống	4633
86.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

87.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
88.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
89.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
90.	Đúc kim loại màu	2432
91.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
92.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
93.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
94.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
95.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá tài sản) Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ	4530
96.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
97.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
98.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
99.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
100.	Lập trình máy vi tính	6201
101.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
102.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
103.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
104.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (Trừ thiết kế nội thất)	7410
105.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
106.	Đào tạo cao đẳng	8541
107.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
108.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
109.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

110.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
111.	Trồng cây ăn quả	0121
112.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
113.	Chăn nuôi lợn	0145
114.	Chăn nuôi gia cầm	0146
115.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
116.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
117.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
118.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
119.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
120.	Xây dựng công trình công ích	4220
121.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa; - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
122.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa tấm chắn và cửa sổ, + Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,	4520
123.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
124.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm) Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
125.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
126.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	72 Trần Xuân Soạn, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	001090000268	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		
2	DƯƠNG NGỌC TUẤN ANH	35 ngõ 233, Đông Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	012729179	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		
3	NGUYỄN KIM PHƯƠNG	P2-D4, tập thể 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	60,000	036163003973	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	60,000		
4	LÊ NGỌC THOẠI	Cụm 4, Xã Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	111410944	
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 16/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090000268

Ngày cấp: 30/06/2014

Nơi cấp: *do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *72 Trần Xuân Soạn, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *72 Trần Xuân Soạn, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội